CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						*376 093*	*185 494*	*190 599*			
I		CẢNG CHÍNH						43 352	18 231	25 121			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						*19 040*	*18 231*	*809*			
1		COALIMEX	14/06	998/06	30/06	BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 000	998	2	20/06	TD	
2		ĐẠM NINH BÌNH	15/06	1003/06	30/6	NB 8828	CÁM 4A.1	2 760	2 746	14	20/06		
3		CP THAN MIỀN NAM	17/06	1009/06	30/6	VIỆT THUẬN 095-02	CÁM 5A.1	4 600	4 579	21	20/06		
							CÁM 4A.2	4 200	4 184	16	20/06		
4		ĐẠM HÀ BẮC	16/06	1004/06	30/06	TĐ 98-4	CÁM 4A.1	2 300	2 276	24	20/06		
5		KDT THANH HOÁ	20/06	1015/06	30/06	TÂN PHÚC 01	cám 5a.1	3 150	3 089	61	20/06	PTCB	
6		ĐT TMDV VINACOMIN	17/06	952/06	30/06	BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 030	358	672	DỞ		
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						*24 312*		*24 312*			
1		ĐT TMDV VINACOMIN	18/06	953/05	30/06	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	GIA HẠN L1
2		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
3		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
4		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
5		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
6		THAN SÔNG HỒNG	06/06	977/06		BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
7		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
8		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
9		XD CN MỎ		991/06		BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
10		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CÁM1	1 530		1 530		TD	
11		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
12		ĐẠM HÀ BẮC	19/06	1011/06	30/06	TĐ 09-VT	CÁM 4A.1	2 352		2 352			
13		KDT HÀ BẮC	22/06	1019/06	30/06	BN 0937	CÁM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
		Tàu chuyển tải						224 845	121 353	103 492			
		Tàu đang làm hàng						*126 445*	*121 353*	*5 092*			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	09/06	982/06		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 000	46 108	- 108	20/06		TTCO: 26.002,32 - TTHG:20.105,36
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	974/06		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 5B.14	26 000	25 859	141	20/06		TTHG:12.843,61 - KDT CP:13.015,44
3		CP DK HÀ TĨNH	02/06	957/05	17/06	VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 5A.10	24 950	25 016	- 66	20/06		TTCO:22.833,38 - TTCO: 2.200
4		COALIMEX				HOÀNG PHƯƠNG 46	CÁM 2A.1	1 795	1 760	35	19/06		
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 1		990/06		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 700	22 610	5 090	DỞ		TTHG: 22.000 -KVCP:5.700
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						*98 400*		*98 400*			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	976/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	25 500		25 500	DỞ		TTCO:25.500
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/06	1012/06		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800		22 800	DỞ		
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/06	1013/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	29 600		29 600	DỞ		TTCO: 18.600- CLM:5.000 - KDT CP:6.000
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.10	20 500		20 500	DỞ		KVDB:6.000 -CLM:14.500
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**48 652**	**10 167**	**38 485**			
	Tàu đã làm hàng							***10 238***	***10 167***	***71***			
1		COALIMEX	19/6	872	30/6	BN - 2397	CÁM 8A	1 000	997	3	20/6	TD	
2		MIỀN BẮC	20/6	903	30/6	HP - 4882	CÁM 7B	1 256	1 252	4	20/6	PT CB	
3		CP HÀNG HẢI VN	20/6	918	30/6	BN - 2638	CÁM 8A	1 923	1 912	11	20/6	TD	
4		XD CN MỎ	18/6	820 B	30/6	BN - 1883	CỤC 1B	1 200	1 183	17	21/6	TD	
5		CẦU ĐUỐNG	20/6	897	30/6	BN - 1386	CỤC 1A	1 000	976	24	21/6	TD	
6		KDT HẢI PHÒNG	21/6	937	30/6	HP - 5902	CÁM 7B	1 450	1 446	4	21/6	PTCB	
7		CẦU ĐUỐNG	19/6	863	30/6	BN - 2022	CÁM 8A	1 159	1 154	5	21/6	TD	
8		CẦU ĐUỐNG	21/6	930	30/6	BN - 1296	CÁM 8A	1 250	1 247	3	22/6	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***38 414***		***38 414***			
1		CẦU ĐUỐNG	01/6	22	14/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		CP DVVT QNINH	02/6	87	15/6	BN - 2646	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
3		CP DVVT QNINH	03/6	112	16/6	BN - 2556	CÁM 8A	1 650		1 650		TD	
4		CP ĐTTM&DV	03/6	125	16/6	BN - 2335	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
5		CẦU ĐUỐNG	03/6	154	16/6	BN - 1468	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
6		MIỀN BẮC	04/6	191	17/6	BN - 2699	CÁM 7B	1 963		1 963		PT CB	
7		CP DVVT QNINH	18/6	193	30/6	HN 2422	CÁM 8A	2 100		2 100		TD	
8		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	04/6	197	17/6	BN - 1829	CÁM 8A	1 660		1 660		TD	
9		CP ĐTTM&DV	04/6	219	17/6	BN - 1299	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
10		CP ĐTTM&DV	04/6	220	17/6	BN - 0988	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
11		MIỀN BẮC	04/6	231	17/6	BN - 2189	CÁM 7B	1 400		1 400		PT CB	
12		CP ĐTTM&DV	04/6	232	17/6	BN - 1988	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
13		CẦU ĐUỐNG	05/6	244	19/6	BN - 0739	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
14		CẦU ĐUỐNG	06/6	292	20/6	BN - 0737	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
15		CP DVVT QNINH	08/6	385	23/6	BN - 2016	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
16		CP VT&KD THAN	10/6	473	25/6	BN - 0679	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
17		HÀ NAM NINH	12/6	567	27/6	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
18		CP ĐTTM&DV	14/6	687B	29/6	BN - 2519	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
19		CP VT THUỶ	15/6	699	30/6	BN - 1865	CỤC 1A	1 234		1 234		TD	
20		XD CN MỎ	15/6	705	30/6	BN - 2395	CỤC 1B	1 300		1 300		TD	
21		SÔNG HỒNG	16/6	741	30/6	BN - 1746	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
22		CP HÀNG HẢI VN	18/6	823	30/6	HD - 5289	CÁM 8A	1 989		1 989		TD	
23		CP DVVT QNINH	19/6	874	30/6	BN - 1468	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
24		COALIMEX	20/6	879	30/6	BN - 1459	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
25		THANH HOÁ	20/6	880	30/6	BN - 1758	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
26		CP ĐTTM&DV	20/6	908	30/6	TRUNG THÀNH 168	CỤC 1B	900		900		TD	
27		CP ĐTTM&DV	20/6	908	30/6	TRUNG THÀNH 168	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
28		CP VT&KD THAN	21/6	936	30/6	BN - 2228	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
29		HẢI PHÒNG	21/6	937	30/6	HP - 5902	CÁM 7B	1 645		1 645		PT CB	
30		COALIMEX	21/6	938	30/6	BN - 2056	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
31		SÔNG HỒNG	21/6	970	30/6	BN - 0766	CỤC 1A	1 030		1 030		TD	
32		SÔNG HỒNG	21/6	976	30/6	BN - 1348	CỤC 1B	993		993		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**2 300**	**2 297**	**3**			
	Tàu đã làm hàng							***2 300***	***2 297***	***3***			
1		ĐIỀN PHÁ LẠI	20/06	900/06	14/06	TĐ 02-TT	CÁM 5A.14	2 300	2 297	3	21/06		
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**18 944**	**17 904**	**1 040**			
	Tàu đã làm hàng							***18 944***	***17 904***	***1 040***			
1		THAN MIỀN NAM	19/6	868	30/6	TRƯỜNG XUÂN 68	Cục 4a.2	1 400	1 379	21	20/6		
2							Cám 5a.1	1 750	1 748	2	20/6		
3		CBT QUẢNG NINH	17/6	800	30/6	QN 7565	Cám 5b.1	1 974	1 969	5	20/6	CBPT	
4		VTT VINACOMIN	19/6	873	30/6	BN 2365	Bùn 3c	1 070	1 059	11	20/6	TD	
6		KHO VẬN ĐÁ BẠC	20/6	907	30/6	CẨM PHẢ 20	Cám 5a.1	3 900	3 884	16	20/6		
		ĐIỀN VĨNH TÂN (QUANG VINH 188)	21/6	23		SƠN HẢI 10	Cám 6a.1	3 650	3 602	48	22/6		
		CROMIT CĐ THANH HÓA	22/6	967	30/6	HOÀNG ANH 45	Cám 6a.1	3 350	3 346	4	22/6	CBPT	
5		KDT MIỀN BẮC	20/6	881	30/6	HD 7989	Cám 6b.1	1 850	918	932	dở	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh												
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**28 000**	**6 323**	**21 677**			
	Tàu đã làm hàng							***25 000***	***6 323***	***18 677***			
1		Nhật Bản	12/06	3426		MV PACIFIFC MELODY	CÁM 3B.1	25 000	6 323	18 677	DỞ		KVCP:16.000 - TTHG:9.000
	Tàu đã làm lệnh							***3 000***		***3 000***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		Hàn Quốc	19/6	21/6		KIMBERLY 1	Cục 4a.3	3 000		3 000			KVDB:3.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**10 000**	**9 219**	**781**			
	Tàu đã làm hàng							***10 000***	***9 219***	***781***			
1		ÚC	31/5	CLM		NBA VERMEER		10 000	9 219	781	19/6		
	Tàu đã làm lệnh												